

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2018

V/v: xin ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên
tòa:** ông Nguyễn Quốc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công
Đông, tỉnh Tiền Giang, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số: 325/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về
“xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
94/2017/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị G, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị
G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân vào
năm 2009, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ. Vợ chồng
chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đến năm 2012 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên có hành vi bạo lực đối với chị, anh đã đánh, đuổi chị nhiều lần. Hơn nữa anh T không chăm lo làm ăn để gây dựng kinh tế gia đình, nuôi dạy các con, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, túng thiếu, bất hòa. Chị và hai bên gia đình đã cố gắng động viên, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2017. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Thùy T, sinh ngày 15/09/2011 và Huỳnh Ngọc Thu C, sinh ngày 24/8/2013. Cháu T đang sống với chị, cháu C sống cùng anh T. Nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu C, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Anh Huỳnh Văn T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc xin ly hôn chưa chị G, theo quy định của pháp luật Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt không có lý do và không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của đương sự. Trình tự phiên tòa diễn ra đúng trình tự luật định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị G. Chấp nhận yêu cầu của chị G về con chung, giao chị G tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Ngọc Thùy T, giao anh T tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Ngọc Thu C, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị G và anh T.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, giải quyết tranh chấp về nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang ngày 29/4/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do anh T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối với chị, không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên mâu thuẫn

hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không hàn gắn đoàn tụ. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết và trình bày ý kiến, điều đó thể hiện anh không tha thiết hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm tới cuộc hôn nhân của anh chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G, cho chị G được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về nuôi con chung: Chị G và anh T có hai con chung, hiện nay chị G đang nuôi cháu Huỳnh Ngọc Thùy T và chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, anh T đang nuôi cháu Huỳnh Ngọc Thu C và chị G đồng ý để anh T tiếp tục được nuôi cháu C. Qua xác minh tại địa phương xét thấy cả cháu T và cháu C đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, tâm lý ổn định, các quyền của trẻ em được đảm bảo không bị xâm phạm. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tâm lý của các cháu, đảm bảo các cháu được hưởng điều kiện chăm sóc tốt nhất cần chấp nhận yêu cầu của chị G, giao cho chị G được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, giao cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu C là phù hợp. Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

[6]. Về án phí: chị G yêu cầu xin ly hôn nên chị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị G.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị G được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị G được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc Thùy T, sinh ngày 15/09/2011; anh Huỳnh Văn T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc Thu C, sinh ngày 24/8/2013. Chị G, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con chung và các thành viên trong gia đình không được quyền ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 45235 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, chị G đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD;
- C.C THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- UBND xã P, H. GCD;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm